

Số: 01/2021/QĐ-PT

Bạc L, ngày 06 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và chia tài sản
chung của vợ chồng.**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC L

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông **Trương Thanh Dũng**

Các Thẩm phán: Bà **Châu Minh Nguyệt**

Ông **Lê Thanh Hùng**

Thư ký phiên họp: Bà **Võ Minh Thu**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc L tham gia phiên họp: Bà **Huỳnh Diễm Lệ**, Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 111/2021/TLPT-VDS ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc yêu cầu hủy văn bản tự phân chia di sản thừa kế và chia tài sản chung của vợ chồng.

Do quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 24 tháng 09 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc L bị kháng cáo.

Theo quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2021/QĐPT-VDS ngày 22 tháng 11 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Trần Hoàng D** – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1958. (Vắng mặt)

2. Ông **Lê Hoàng K**, sinh năm 1980. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

3. Bà **Lê Hoàng L**, sinh năm 1982. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Bà Ai II, xã Lộc Ninh, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

4. Ông **Lê Minh Đ**, sinh năm 1987. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Kinh Xáng, xã Lộc Ninh, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

5. Bà **Lê Hồng H**, sinh năm 1984. (Có mặt)

6. Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1981. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn Ngan Dừa, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

7. Bà **Võ Thị M**, sinh năm 1974. (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Võ Thị Mảnh:

- Ông **Hà Thanh Đ**, sinh năm 1969. (Vắng mặt có đơn)

- Chị **Hà Ngọc V**, sinh năm 1994. (Vắng mặt có đơn)

- Anh **Hà Quốc V**, sinh năm 1995. (Có mặt)

8. Bà **Võ Thị N**, sinh năm 1985. (Có mặt)

9. Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1952. (Vắng mặt có đơn)

10. Ông **Võ Văn P**, sinh năm 1985. (Có mặt)

11. Ông **Trần Văn M**, sinh năm 1953. (Vắng mặt có đơn)

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

12. Ông **Từ Văn P**, sinh năm 1956. (Vắng mặt có đơn)

Địa chỉ: ấp Bà Ai I, xã Lộc Ninh, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

13. Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1974. (Vắng mặt)

14. Bà **Đặng Thị T**, sinh năm 1970. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

15. Ủy ban nhân dân xã **Vĩnh L**

Người đại diện theo pháp luật: ông **Lưu Văn T**; Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L. (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Cầu Đỏ, xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

- Người kháng cáo: Bà Lê Hồng H, là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 07/8/2020 và trong quá trình giải quyết việc dân sự, người yêu cầu ông Trần Hoàng D trình bày:

Theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03,04,05,06,07 và số 08/2018/QĐDS -ST, ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L và Quyết định thi hành án số 333, 334, 335, 336, 337 và 368/QĐ- CCTHADS ngày 23/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng D, bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Võ Thị M, bà Võ Thị N, ông Võ Văn P, bà Trương Thị H, bà Trần Thị M và ông Từ Văn P tổng số tiền hui là 433.900.000 đồng, tiền lãi đối với số tiền chậm trả và 4.242.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Qua kết quả xác minh điều kiện thi hành án của Chấp hành viên thì:

+ Bà T và ông K có tài sản chung duy nhất tạo lập trong thời kỳ hôn nhân gồm diện tích đất 14.900m² (loại đất thổ cư, đất vườn tạp, đất trồng lúa) tại các thửa đất 0050; 0389; 0390 thuộc tờ bản đồ số 19; 20 tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh L do ông Lê Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hồng D cấp 15/04/1996. Năm 2011 ông Lê Văn K chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn N (cùng địa chỉ) diện tích 6.040m² thửa đất 0050 thuộc tờ bản đồ số 19 với số tiền là 69.907.000 đồng, hợp đồng được chứng thực tại UBND xã Vĩnh L ngày 29/8/2011 nhưng ông N chưa thực hiện việc chuyển tên theo quy định.

+ Ông K và bà T có 04 người con gồm: Ông Lê Hoàng K, sinh năm 1980, bà Lê Hoàng L, sinh năm 1982, bà Lê Hồng H, sinh năm 1984 và ông Lê Minh Đ, sinh năm 1987. Ông Lê Văn K (chết ngày 17/5/2014) không để lại di chúc. Sau khi bà T vỡ hui thì bà T cùng các con trực tiếp đến UBND xã Vĩnh L ngày 12/3/2018 để lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K với nội dung thỏa thuận thống nhất phân chia tổng diện tích đất 8.860m² chia đều cho 05 (năm) phần

bằng nhau, đồng thời cùng thời điểm nêu trên bà T, ông K, bà L, ông Đ giao toàn bộ phần di sản được hưởng cho đồng thừa kế là bà Lê Hồng H.

+ Riêng đối với phần diện tích chuyển nhượng cho ông N thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng D đã tiếp nhận hồ sơ và có thông báo số 74/TB-CNVPĐKDD ngày 14/4/2018 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

+ Toàn bộ tài sản quyền sử dụng đất nêu trên, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D đã có văn bản số 158 ngày 11/6/2018 đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng D và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hồng D tạm dừng làm thủ tục chuyển dịch dưới mọi hình thức để giải quyết theo quy định pháp luật. Đồng thời Chấp hành viên đã có thông báo số 215/TB-CCTHADS ngày 27/07/2018 để thông báo cho các bên khởi kiện ra Tòa án và cơ quan có thẩm quyền để phân chia sở hữu, sử dụng chung theo Điều 74, 75 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) nhưng các bên không thực hiện.

Do đó, chấp hành viên Chi cục THADS huyện Hồng D làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hồng D giải quyết hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12/3/2018 và chia tài sản chung giữa ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T, trình bày:* Bà và ông K kết hôn năm 1979 và có 04 người con chung là ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng L, bà Lê Hồng H và ông Lê Minh Đ. Phần diện tích đất 14.900m² (loại đất thổ cư, đất vườn tạp, đất trồng lúa) các thửa đất 0050; 0389; 0390 thuộc tờ bản đồ số 19; 20 tọa lạc tại ấp Vĩnh Thành Lập, xã Vĩnh L do ông Lê Văn K đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2011, chồng bà là ông K đã lập hợp đồng chuyển nhượng bán cho ông Nguyễn Văn N (cùng địa chỉ) diện tích 6.040m² với số tiền là 69.907.000 đồng, hợp đồng được chứng thực tại UBND xã Vĩnh L ngày 29/8/2011 nhưng ông N chưa thực hiện việc chuyển tên theo quy định. Ông Lê Văn K chết (17/5/2014) không để lại di chúc, ngày 12/3/2018 bà cùng các con đến UBND xã Vĩnh L để lập văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông K. Nội dung thỏa thuận thống nhất phân chia tổng diện tích là 8.860m² đều cho 05 (năm) phần bằng nhau, đồng thời bà và các con nhượng toàn bộ phần hưởng di sản của mình được hưởng cho đồng thừa kế là bà Lê Hồng H. Trên thực tế vợ chồng bà H, ông L mua lại phần đất này với số tiền 200.000.000 đồng để trả nợ hụi bà đã thiếu. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu của chấp hành viên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoàng K, ông Lê Hoàng L, ông Lê Minh Đ cùng ý kiến trình bày:* các ông, bà là con của ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T. Qua yêu cầu của chấp hành viên, các ông bà không đồng ý và yêu cầu công nhận văn bản tự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12/3/2018 được UBND xã Vĩnh L chứng thực là thực hiện đúng quy định. Đồng thời đề nghị chấp hành viên hủy bỏ văn bản đã gửi bên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng D để ông bà thực hiện việc sang tên theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H và ông Nguyễn Văn L trình bày:* Ông bà thống nhất với lời trình bày của bà T đồng thời ông bà trình bày thêm. Sau khi nhận đất, ông bà sử dụng một thời gian sau đó có cho ông Nguyễn Thanh T thuê phần đất để nuôi tôm, từ năm 2019 đến năm 2024 với giá 50.000.000

đồng (đã nhận đủ). Ông bà không đồng ý yêu cầu của chấp hành viên. Đồng thời đề nghị chấp hành viên hủy bỏ văn bản đã gửi bên Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng D để chỉ thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh T và bà Đặng Thị T trình bày:* Ông bà thống nhất với phần trình bày của bà H, ông L về giao dịch giữa các bên. Nay phần đất có phát sinh tranh chấp, ông bà không có ý kiến, trong trường hợp phải phát mãi kê biên phần đất này ông bà sẽ tự nguyện giao phần đất này để xử lý theo quy định. Còn việc thuê đất ông bà sẽ tự giải quyết với vợ chồng bà H và ông bà không có yêu cầu Tòa án giải quyết quyền lợi gì cho mình trong vụ án này.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Từ Văn P, Trần Văn M, Trương Thị H, Võ Văn P, Võ Thị N, Võ Thị M (chết)- người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà M gồm: ông Hà Thanh Đ, Hà Ngọc V và Hà Quốc V trình bày:* Theo quyết định công nhận thỏa thuận số 03,04,05,06,07 và số 08/2018/QĐDS -ST, ngày 16/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc Liêu thì cho đến nay bà Nguyễn Thị T chưa thực hiện trả số tiền cho các ông bà. Ông bà đồng ý theo yêu cầu của chấp hành viên.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L, người đại diện theo pháp luật ông Lưu Văn T trình bày:* Vào ngày 12/3/2018 bà Nguyễn Thị T và các con bà Thu có đến UBND xã Vĩnh L để chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của ông Lê Văn K và việc ký văn bản trên Ủy ban nhân dân xã Vĩnh L đã ký chứng thực nêu trên theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ – CP, ngày 16/02/2015.

Từ nội dung nêu trên, tại quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L đã quyết định:

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959;

- Căn cứ Điều 74; Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự

- Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoàng D – Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D.

1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12/3/2018.

2. Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng $\frac{1}{2}$ (50%) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như sau:

Thửa 0389, 0390 tờ bản đồ số 20, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích qua đo đạc thực tế là 9.342,1m² gồm 02 thửa:

*** Thửa 1: Diện tích 2.963,4m²**

+ Hướng Đông giáp kênh Hai T, cạnh dài 62,0m

+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn H và phần đất thứ 2, cạnh dài 14,9m + 9,75m + 49,78m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H, cạnh dài 41,51m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh T, cạnh dài 49,78m

- *Thông tin thửa đất:*

Nằm trong thửa 389, 390, tờ bản đồ số 20 do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tài sản trên đất gồm:* 18 cây bạch đàn gốc phi lớn hơn 40; 06 cây trà m địa lạt lớn (phi lớn hơn 40); 05 cây dừa đang cho trái; 13 cây dừa chưa cho trái; 02 cây gừa; 01 cây bần; 08 cây cao nhỏ; 14 cây cao lớn; 01 cây vú sữa; 12 bụi thanh long; 01 cây bưởi; 01 cây chanh; 6m² dừa nước; 01 cây mù u; 01 bụi bông trang; 01 cây sung nhỏ; 05 cây chuối ngọc; 01 cây thiên tế; 01 cái mỗ của ông Lê Văn K có mái che ngang 3,1m, dài 4,8m; 01 cái chòi: Khung cột cây gỗ địa phương, lợp thiết ngang 2,1m, dài 2,1m, nền đất, vách lá, lợp lá, trong chòi có 01 cầu dao điện của ông Đặng Văn H (mượn để chia điện); 01 cái chòi: Khung cột cây gỗ địa phương, lợp thiết ngang 1,4m, dài 1,2m, nền đất, trong chòi có 01 cầu dao điện của bà Võ Thị Phần (mượn để chia điện); 01 căn nhà chính, chiều ngang 4,9m, dài 11,7m. Kết cấu: cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách tô một phần cao 1m, còn một phần vách thiết, nền lót gạch men; 01 mái che: ngang 4,9m, dài 1,7m, mái lợp thiết nền lán xi măng; 01 nhà phụ: chiều ngang 3,6m, dài 13,4m, khung cột bê tông, mái lợp thiết, nền lót gạch bông; 01 nhà phụ (nhà sau) chiều ngang 6,5m dài 6,6m; 01 nhà vệ sinh ngang 1,6m dài 3,2m, không có hầm tự hoại; 01 chuồng heo dài 6,9m ngang 8,4m, khung gỗ địa phương, lợp thiết, không vách, trong đó có 02 khuôn, mỗi khuôn ngang 03m, dài 5,5m, xây gạch 10 không tô, cao 70cm, nền lán xi măng; 01 cây nước ngầm, 01 đồng hồ điện, 01 mô tơ; 17 cây cao kiểng nhỏ; 01 bụi bông trang; 02 cây xanh; 13 cây dừa đang cho trái; 04 cây dừa nhỏ; 02 cây me; 06 cây mai vàng; 05 cây mai trắng; 02 cây bạch đằng; 09 cây chuối ngọc.

*** Thửa 2: Diện tích 6.378,7m²**

+ Hướng Đông giáp đất thửa 1, cạnh dài 42,86m

+ Hướng Tây giáp đất của ông Võ Văn K, cạnh dài 43,6m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H, cạnh dài 145,9m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh T, cạnh dài 149,4m

- *Thông tin thửa đất:*

Nằm trong thửa 390, tờ bản đồ số 20 do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hiện trạng: là đất trồng lúa không có tài sản trên đất.

Ngoài ra, Quyết định sơ thẩm còn tuyên về lệ phí, chi phí tố tụng, về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 9 năm 2021, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Hồng H kháng cáo nội dung: Bà Hoa yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D. Tại phiên họp phúc thẩm, bà Lê Hồng H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc L phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thông qua kiểm sát việc giải quyết việc dân sự từ khi thụ lý tới thời điểm mở phiên họp, thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình chuẩn bị mở phiên họp, Tòa án đã giao đầy đủ các văn bản tố tụng cho Viện kiểm

sát và những người tham gia tố tụng. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét kháng cáo tại phiên họp hôm nay đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên họp cấp phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét kháng cáo căn cứ khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng H, giữ nguyên quyết định số 02/2021/QĐDS – ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Hội đồng phúc thẩm nhận định:

[1] Ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Hồng D ban hành quyết định số 02/2021/QĐST-VDS. Ngày 24 tháng 9 năm 2021, Tòa án tổng đạt quyết định này cho bà Lê Hồng H. Ngày 29 tháng 9 năm 2021, bà Lê Hồng H kháng cáo đối với quyết định giải quyết việc dân sự nêu trên là còn trong thời hạn kháng cáo quy định tại Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hồng H yêu cầu hủy Quyết định số 02/2021/QĐST-VDS. Ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. Hội đồng phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Bà Nguyễn Thị T là người phải thi hành án theo các Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 03, 04, 05, 06, 07 và 08/QĐST-DS ngày 16/03/2018 và đến ngày 23/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng D đã ra quyết định thi hành án số 333, 334, 335, 336, 337 và 338/QĐ-CCTHADS để thi hành các quyết định trên. Nhưng đến ngày 12/3/2018 bà T cùng các con của bà là Lê Hoàng K, Lê Hoàng L, Lê Hoàng H và Lê Minh Đ lập biên bản tự thỏa thuận phân chia di sản thuộc sở hữu chung trong thời kỳ hôn nhân của ông K (*ông K chết không thể lại di chúc*) và bà T.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 188 Luật đất đai quy định thì việc thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12/3/2018 giữa bà Nguyễn Thị T, anh Lê Hoàng K, chị Lê Hoàng L, chị Lê Hồng H, anh Lê Minh Đ chưa có hiệu lực theo quy định pháp luật, do việc thực hiện phân chia diện tích đất 8.860m² (*theo đo đạc thực tế 9.342,1m²*) chưa được đăng ký tại cơ quan đăng ký đất đai, do nó chỉ có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký vào sổ địa chính.

Mặt khác, bà T là người phải thi hành án theo các Quyết định số 03, 04, 05, 06, 07 và 08/QĐST-DS ngày 16/03/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D có hiệu lực pháp luật, nhưng bà T và các đồng thừa kế lại thống nhất tặng cho lại đồng thừa kế là bà Lê Hồng H và thực tế bà H phải trả lại số tiền là 200.000.000 đồng cho bà T trả tiền nợ hui cho những hui viên ở vụ án khác. Trong khi diện tích đất 8.860m² (*theo đo đạc thực tế 9.342,1m²*) là tài sản duy nhất của bà T để đảm bảo việc thi hành án đối với quyết định đã có hiệu pháp luật nên đối chiếu với quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015, thì văn bản thỏa thuận trên giữa bà T và các đồng thừa kế đã không thực hiện đúng như quy định.

Từ đó, việc hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12 tháng 03 năm 2018 giữa bà T và các con của bà T là có căn cứ.

[2.2] Ngoài ra, quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị T xác định bà và ông K xác lập hôn nhân năm 1979 và bà T cũng thừa nhận phần đất diện tích 8.860m² (qua đo đạc thực tế 9.342,1m²) thuộc thửa 0389, 0390 tờ bản đồ số 20, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là khối tài sản chung của vợ chồng bà tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân nên theo quy theo Điều 15 Luật hôn nhân gia đình năm 1959 quy định thì diện tích đất trên thuộc quyền sở hữu của bà và ông K nên đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản trên.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận diện tích đất trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng chung của vợ chồng ông K và bà T. Ông K chết không để lại di chúc, để phân chia tài sản chung của vợ chồng thì bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu ½ quyền sử dụng đối với thửa đất và các tài sản trên đất đối với diện tích đất 8.860m² (qua đo đạc thực tế 9.342,1m²).

Do đó, việc Tòa án nhân dân huyện Hồng D giải quyết chấp nhận yêu cầu của ông Trần Hoàng D, hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12 tháng 03 năm 2018 của bà T cùng các con của bà T và yêu cầu phân chia tài sản chung giữa bà Nguyễn Thị T và ông Lê Văn K là có căn cứ.

[3.] Từ những căn cứ trên, Hội đồng phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Lê Hồng H, chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên họp, giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

[4.] Lệ phí phúc thẩm: Bà Lê Hồng H phải chịu theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, Điều 361, Điều 374, điểm a khoản 3 Điều 375 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 15 Luật hôn nhân dân và gia đình năm 1959;

Căn cứ Điều 74; Điều 75 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Hồng H. Giữ nguyên quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2021/QĐST-VDS ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

1. Hủy văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế lập ngày 12/3/2018.

2. Bà Nguyễn Thị T được quyền sở hữu, sử dụng ½ (50%) giá trị tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất như sau: Thửa 0389, 0390 tờ bản đồ số 20, do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích qua đo đạc thực tế là 9.342,1m² gồm 02 thửa:

*** Thửa 1: Diện tích 2.963,4m²**

+ Hướng Đông giáp kênh Hai Thiệu, cạnh dài 62,0m
+ Hướng Tây giáp đất của ông Nguyễn Văn Hảo và phần đất thứ 2, cạnh dài 14,9m + 9,75m + 49,78m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn Hảo, cạnh dài 41,51m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh Tùng, cạnh dài 49,78m

- *Thông tin thửa đất:*

Nằm trong thửa 389, 390, tờ bản đồ số 20 do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Tài sản trên đất gồm:* 18 cây bạch đàn gốc phi lớn hơn 40; 06 cây tràm đà lạt lớn (phi lớn hơn 40); 05 cây dừa đang cho trái; 13 cây dừa chưa cho trái; 02 cây gừa; 01 cây bần; 08 cây cao nhỏ; 14 cây cao lớn; 01 cây vú sữa; 12 bụi thanh long; 01 cây bưởi; 01 cây chanh; 6m² dừa nước; 01 cây mù u; 01 bụi bông trang; 01 cây sung nhỏ; 05 cây chuối ngọc; 01 cây thiên tế; 01 cái mỏ của ông Lê Văn K có mái che ngang 3,1m, dài 4,8m; 01 cái chòi: Khung cột cây gỗ địa phương, lợp thiết ngang 2,1m, dài 2,1m, nền đất, vách lá, lợp lá, trong chòi có 01 cầu dao điện của ông Đặng Văn H (mượn để chia điện); 01 cái chòi: Khung cột cây gỗ địa phương, lợp thiết ngang 1,4m, dài 1,2m, nền đất, trong chòi có 01 cầu dao điện của bà Võ Thị P (mượn để chia điện); 01 căn nhà chính, chiều ngang 4,9m, dài 11,7m. Kết cấu: cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, vách tô một phần cao 1m, còn một phần vách thiết, nền lót gạch men; 01 mái che: ngang 4,9m, dài 1,7m, mái lợp thiết nền láng xi măng; 01 nhà phụ: chiều ngang 3,6m, dài 13,4m, khung cột bê tông, mái lợp thiết, nền lót gạch bông; 01 nhà phụ (nhà sau) chiều ngang 6,5m dài 6,6m; 01 nhà vệ sinh ngang 1,6m dài 3,2m, không có hầm tự hoại; 01 chuồng heo dài 6,9m ngang 8,4m, khung gỗ địa phương, lợp thiết, không vách, trong đó có 02 khuôn, mỗi khuôn ngang 03m, dài 5,5m, xây gạch 10 không tô, cao 70cm, nền láng xi măng; 01 cây nước ngầm, 01 đồng hồ điện, 01 mô tơ; 17 cây cao kiểng nhỏ; 01 bụi bông trang; 02 cây xanh; 13 cây dừa đang cho trái; 04 cây dừa nhỏ; 02 cây me; 06 cây mai vàng; 05 cây mai trắng; 02 cây bạch đàn; 09 cây chuối ngọc.

*** Thửa 2: Diện tích 6.378,7m²**

+ Hướng Đông giáp đất thửa 1, cạnh dài 42,86m.

+ Hướng Tây giáp đất của ông Võ Văn K, cạnh dài 43,6m.

+ Hướng Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H, cạnh dài 145,9m.

+ Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Thanh T, cạnh dài 149,4m.

- *Thông tin thửa đất:*

Nằm trong thửa 390, tờ bản đồ số 20 do ông Lê Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Hiện trạng: là đất trồng lúa không có tài sản trên đất.

3. Về lệ phí:

Lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Trần Hoàng D – Chấp hành viên không phải chịu lệ phí.

Lệ phí việc dân sự phúc thẩm: Bà Lê Hồng H phải chịu là 300.000 đồng, bà H đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0005880 ngày 29 tháng 9 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng D được chuyển thu án phí.

4. Về chi phí tố tụng (chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản): tổng chi phí là 3.000.000 đồng. Người yêu cầu ông Trần Hoàng D – Chấp hành viên

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng D, tỉnh Bạc L phải chịu số tiền 3.000.000 đồng. Ông D đã dự nộp 3.000.000 đồng đã chi hết nên không hoàn lại.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND huyện Hồng D;
- Chi cục THADS huyện Hồng D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Trương Thanh Dũng

